

Bản án số: 518/2022/DS-ST

Ngày: 17/10/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng
góp vốn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Hội thẩm nhân dân:

-Bà Nguyễn Thị Nguyên.

-Bà Phan Thị Dòn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 452/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 393/2022/QĐST-DS ngày 20/9/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Hoàng Th, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Số 25/1E Hoàng Việt, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng Luân, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số 25/1E Hoàng Việt, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện nguyên đơn có luật sư Nguyễn Thị Hồng Vân-công ty luật TNHH Song Phát-Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Bị đơn: Bà Ngô Thị Li, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: B3/22R2 đường liên ấp 2-6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: B3/22R2 đường liên ấp 2-6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Tuyết Du, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 25/1E Hoàng Việt, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Đầu năm 2018, bà Ngô Thị Li có gặp ông Thắng và trình bày đang có nhu cầu mua nhà ở tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không đủ tiền, bà Liên nghĩ muốn ông Thắng cùng góp vốn để mua căn nhà tại đường Liên ấp 2-6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì mối quan hệ quen biết lâu nay với bà Liên nên ông Thắng đồng ý cùng góp vốn. Ông Thắng góp 820.000.000 đồng.

Ngày 01/01/2018, ông Thắng và bà Ngô Thị Li có làm giấy thỏa thuận để cùng mua chung căn nhà của ông Ngô Ngọc Thuận bằng giấy tay, diện tích: 4m x 17m đã xây dựng 03 tầng, ngôi nhà tọa lạc trên thửa đất số 560, tờ bản đồ số 75, địa chỉ: đường Liên ấp 2-6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Nguyễn Quốc Thái đứng tên với nội dung cơ bản như sau:

- Giá mua và tổng sửa chữa là: 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng)
- Bên A (ông Thắng) góp vốn: 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng)
- Nếu Bên B (bà Ngô Thị Li) muốn ở căn nhà trên thì trả lại vốn cho Bên A và tiền lãi xuất ngân hàng.
- Nếu bên B không ở căn nhà trên thì bên A trả lại vốn cho bên B.
- Thời gian hai bên thực hiện thỏa thuận trên là ngày 01/01/2018.

Sau khi ký kết “Giấy thỏa thuận” nêu trên, bà Ngô Thị Li thỏa thuận với ông Thắng muốn ở lại căn nhà trên đồng thời cam kết sẽ trả lại tiền vốn (820.000.000đ + tiền lãi) cho ông Thắng đến ngày 30/12/2018. Hết ngày 30/12/2018, nhiều lần ông Thắng liên hệ yêu cầu bà Liên trả tiền góp cùng tiền lãi, tuy nhiên trái với thiện chí từ ông Thắng, bà Liên luôn tìm cách tránh né, không hợp tác thanh toán số tiền trên. Đến ngày 13/4/2019, sau nhiều lần tìm cách liên hệ, bà Liên và con gái bà Liên là Nguyễn Thị L có viết giấy cam kết với nội dung đến ngày 28/5/2019 sẽ trả đủ số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) bao gồm tiền góp là 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Quá hạn thời gian cam kết mà bà Ly và bà Liên đưa ra, nhiều lần ông Thắng có đến nhà yêu cầu bà Liên trả lại số tiền trên cho tôi nhưng bà Liên nhiều lần tỏ thái độ thiếu hợp tác, cố tình trốn tránh và nhờ người khác ra gặp mặt.

Số tiền 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng) mà ông Thắng đã góp vốn là tiền ông Thắng dành dụm được trong thời gian đi làm, là khoản tiền duy nhất mà ông Thắng có. Hoàn cảnh gia đình tôi khá khó khăn, bản thân ông Thắng nay cũng đã có tuổi, rất cần số tiền trên để chăm lo cuộc sống và đề phòng bệnh tật tuổi già. Việc bà Liên không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết làm cho ông Thắng mất lòng tin và hoang mang, khiến ông Thắng nhiều đêm lo nghĩ đến mất ăn mất ngủ. Điều này, gây ra rất nhiều tổn thất, thiệt hại về cả tinh thần và vật chất cho ông Thắng trong khoảng thời gian này.

Nay, ông Thắng làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết các vấn đề sau:

Tuyên hủy bỏ giấy thỏa thuận ngày 01/01/2018 và giấy cam kết ngày 13/4/2019; Yêu cầu bà Ngô Thị Li phải trả cho ông Thắng số tiền là 1.143.780.822 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng). Bao gồm:

- Số tiền gốc là: 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng)
- Số tiền lãi là: 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng)
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn được công bố bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tương

ứng với thời gian chậm trả tạm tính từ ngày 29/5/2019, tạm tính đến ngày 22/3/2021 là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/365 \text{ ngày} \times 656 \text{ ngày} = 143.780.822 \text{ đồng}$ (Một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Ngày 25/7/2022 nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện; cụ thể rút yêu cầu số tiền lãi là 180.000.000 đồng.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Tuyết Du là vợ ông Thắng có cùng ý kiến và yêu cầu giống với ông Thắng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa luật sư Nguyễn Thị Hồng Vân trình bày: Việc ông Thắng hùn tiền với bà Liên để mua căn nhà là đúng sự thật; bà Liên đã nhận tiền và sau đó cam kết trả lại phần hùn cùng lãi suất cho ông Thắng; tuy nhiên bà Liên không thực hiện đúng cam kết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ngô Thị Li trả cho ông Thắng số tiền góp vốn là 820.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/5/2020 cho đến ngày 17/10/2022 với mức lãi suất là 8%/năm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn bà Ngô Thị Li và bà Nguyễn Thị L vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Cao Hoàng Th khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Li trả số tiền hùn (góp vốn) là 820.000.000 đồng. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

Bị đơn có nơi cư trú và hợp đồng thực hiện tại huyện Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Ngô Thị Li và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L; Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Liên và bà Ly vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tuyết Du có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Liên, bà Ly và bà Dung theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Mặt khác, do nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bà Ngô Thị Li chịu trách nhiệm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không cần đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với các quy định pháp luật.

[1.3] Về thời hiệu và áp dụng pháp luật

Căn cứ giấy thỏa thuận ngày 01/01/2018 và giấy cam kết ngày 13/4/2019 thì hai bên cam kết sẽ trả tiền gốc và lãi vào ngày 28/5/2019. Như vậy thời hiệu khởi kiện còn và áp dụng pháp luật hiện hành là Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án; đồng thời trong vụ án không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Xét giấy “Giấy thỏa thuận” lập ngày 01/01/2018 giữa ông Cao Hoàng Th và bà Ngô Thị Li, về hình thức và nội dung là trên cơ sở tự nguyện của các bên. Ông Cao Hoàng Th và bà Ngô Thị Li ký vào giấy thỏa thuận với nội dung “ ...*cùng mua chung căn nhà với giá 1.500.000.000 đồng; ông Thắng góp 820.000.000 đồng...*”

Đồng thời, mặt sau của giấy thỏa thuận này bà Liên xác nhận và ký tên với nội dung “*Ngô Thị Li có nhận 820.000.000 đồng, xây nhà trả số tiền cho anh Cao Hoàng Th. Đến ngày 30/12/2018 sẽ trả số tiền cho Cao Hoàng Th*”. Như vậy, sau khi góp vốn thì bà Liên có cam kết hoàn lại phần vốn góp cho ông Thắng.

[2.2] Xét giấy “Giấy cam kết” ngày 13/4/2019; bà Ngô Thị Li và con gái là Nguyễn Thị L cùng cam kết với nội dung “*Vào ngày 28/5/2019 sẽ trả đủ số tiền 1.000.000.000 đồng; bao gồm 820.000.000 đồng tiền gốc và 180.000.000 đồng tiền lãi*”. Có cơ sở xác định bà Liên đã nhận của ông Thắng số tiền 820.000.000 đồng; đồng thời cam kết hoàn lại số tiền gốc và tiền lãi.

[2.3] Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đều khẳng định việc hùn tiền mua nhà là thật; do ông Thắng có nhu cầu rút phần hùn góp vốn nên bà Liên đã thỏa thuận trả lại cho ông Thắng phần hùn là 820.000.000 đồng và tiền lãi là 180.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về hợp đồng góp vốn đối với số tiền là 820.000.000 đồng.

Tuy nhiên bà Ngô Thị Li không thực hiện đúng theo thỏa thuận thanh toán, là bên vi phạm, có lỗi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Liên trả số tiền đã góp là 820.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Ông Cao Hoàng Th và bà Ngô Thị Li cùng hùn tiền mua căn nhà tại đường liên ấp 2-6 xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên sau khi mua căn nhà nêu trên thì các bên đã thỏa thuận việc trả lại phần tiền hùn góp của ông Thắng; cụ thể ngày 13/4/2019; bà Ngô Thị Li và con gái là Nguyễn Thị L cùng cam kết với nội dung “*Vào ngày 28/5/2019 sẽ trả đủ số tiền 1.000.000.000 đồng; bao gồm 820.000.000 đồng tiền gốc và 180.000.000 đồng tiền lãi*”; đồng thời nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu đối với số tiền góp vốn. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề căn nhà các bên đã hùn tiền mua có tăng giá hay giảm giá để xem xét giải quyết, mà chỉ xem xét giải quyết đối với số tiền mà nguyên đơn đã hùn và bị đơn đã cam kết trả lại số tiền hùn góp này.

[2.5]. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi theo thỏa thuận là 180.000.000 đồng. Ngày 25/7/2022 nguyên đơn rút lại yêu cầu này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện, phù hợp pháp luật và không trốn tránh nghĩa vụ, cũng như không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2.6]. Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn khẳng định chỉ yêu cầu một mình bà Ngô Thị Li chịu trách nhiệm đối với thỏa thuận góp vốn giữa bà Liên và ông Thắng; ngoài ra không yêu cầu ai khác liên đới chịu trách nhiệm đối với khoản tiền này. Đồng thời không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ hoặc đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp thông tin để đưa chồng bà Liên vào tham gia tố tụng; Tuy nhiên nguyên đơn không thể cung cấp và khẳng định chỉ yêu cầu một mình bà Liên chịu trách nhiệm đối với khoản vay tiền của ông Thắng. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[2.7]. Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

Căn cứ “Giấy cam kết” ngày 13/4/2019; bà Ngô Thị Li và con gái là Nguyễn Thị L cùng cam kết với nội dung “*Vào ngày 28/5/2019 sẽ trả đủ số tiền 1.000.000.000 đồng; bao gồm 820.000.000 đồng tiền gốc và 180.000.000 đồng tiền lãi.* Tuy nhiên, đến ngày 28/5/2019 thì bị đơn không thực hiện đúng theo cam kết, do bà Liên chậm trả tiền theo thỏa thuận nên ông Thắng yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở; nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất là 8%/năm trên số tiền chậm trả 820.000.000 đồng, xét mức lãi suất 8%/năm là phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn chịu lãi suất từ ngày 29/5/2019 đến 17/10/2022 là 1237 ngày.

Cụ thể là: $820.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/365 \text{ ngày} \times 1237 \text{ ngày} = 222.321.095 \text{ đồng}.$

[2.8]. Bà Ngô Thị Li và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập để ghi nhận ý kiến, yêu cầu, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[2.9]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hủy bỏ giấy thỏa thuận ngày 01/01/2018 và giấy cam kết ngày 13/4/2019.

Buộc bà Ngô Thị Li trả cho ông Cao Hoàng Th số tiền 820.000.000 (Tám trăm hai mươi triệu) đồng vốn góp và tiền lãi là: $820.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/365 \text{ ngày} \times 1237 \text{ ngày} = 222.321.095 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bà Ngô Thị Li phải trả cho ông Cao Hoàng Th là 1.042.321.095 (Một tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi một nghìn, không trăm chín mươi lăm) đồng.

Các bên thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 180.000.000 đồng của nguyên đơn.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Li chịu 43.269.633 (Bốn mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ghạch và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đối yêu cầu không có giá ghạch.

Hoàn lại cho ông Cao Hoàng Th số tiền 23.156.712 (Hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0081332 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành Phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến

